

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

KE94140: DỊCH VỤ BẢO HIỂM VÀ THÔNG TIN LOGISTICS (LOGISTICS INSURANCE SERVICE AND INFORMATION)

I. Thông tin về học phần

- Học kì: 5
- Tín chỉ: **03 (Lý thuyết 3 - Thực hành 0 - Tự học 9)**
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
 - + Học lý thuyết trên lớp: 35 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp: 07 tiết
- + Thuyết trình và thảo luận trên lớp: 03 tiết
- Giờ tự học: 135 tiết
- Đơn vị phụ trách:
 - Bộ môn: Kế toán quản trị và Kiểm toán
 - Khoa: Kế toán và Quản trị kinh doanh
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Cơ sở ngành ☐		Chuyên sâu 1 ☐		Chuyên sâu 2 ☐	
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn
☐	☐	☒	☐	☐	☐	☐	☐

- Học phần tiên quyết:
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh ☐ Tiếng Việt ☒

II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và mục tiêu, kết quả học tập mong đợi của học phần
*** Các chuẩn đầu ra và chỉ báo của chương trình đào tạo mà học phần đóng góp:**

Chuẩn đầu ra Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	Chỉ báo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
Kiến thức chung	
CDR1. Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong lĩnh vực logistics và quản trị chuỗi cung ứng	1.3. Áp dụng sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong lĩnh vực logistics và quản trị chuỗi cung ứng
Kiến thức chuyên môn	
CDR4. Đề xuất giải pháp hữu ích để tổ chức và vận hệ thống logistics trong doanh nghiệp và hoạt động kinh doanh	4.1. Phân tích hoạt động logistics trong nước và quốc tế như xuất nhập khẩu, mua hàng, phân phối, vận tải để giải quyết các vấn đề trong sản xuất, kinh doanh

Chuẩn đầu ra Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	Chỉ báo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
Kỹ năng chuyên môn	
CDR7. Thực hiện hiệu quả các nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh Logistic và quản trị chuỗi cung ứng	7.1. Thực hiện hiệu quả các nghiệp vụ về mua hàng, giao nhận, vận tải 7.2. Thực hiện hiệu quả các nghiệp vụ về xuất nhập khẩu hàng hóa trong nước và quốc tế
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CDR10. Thể hiện trách nhiệm trong công việc được giao, tuân thủ pháp luật, quy tắc và đạo đức nghề nghiệp	10.1. Thể hiện tinh thần trách nhiệm cao trong công việc được giao 10.2. Tuân thủ pháp luật, quy tắc và đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực logistics và quản trị chuỗi cung ứng

*** Mục tiêu:**

- Về kiến thức: Vận dụng được các kiến thức cơ bản về (i) rủi ro và bảo hiểm trong logistics, dịch vụ bảo hiểm logistics, tính phí dịch vụ bảo hiểm logistics, hợp đồng bảo hiểm logistics, tổ chức hoạt động kinh doanh bảo hiểm logistics; và (ii) thông tin logistic trong doanh nghiệp và thiết kế hệ thống thông tin logistics trong doanh nghiệp.
- Về kỹ năng: Nhận diện, phân loại hàng hóa và áp dụng công thức tính phí các loại hình dịch vụ bảo hiểm logistics; Nhận diện, phân loại cơ sở dữ liệu phục vụ xây dựng hệ thống hệ thống thông tin trong doanh nghiệp.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện thái độ học tập nghiêm túc, nhiệt tình tham gia xây dựng bài trên lớp; nâng cao tính tự học, khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo.

*** Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – Củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho chỉ báo CDR của CTĐT					
		1.3	4.1	7.1	7.2	10.1	10.2
KE94140	Dịch vụ bảo hiểm và thông tin Logistics	P	R	R	P	R	P

Ký hiệu	KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	Chỉ báo CDR của CTĐT
Kiến thức		
K1	Giải thích những nguyên lý chung về dịch vụ bảo hiểm và thông tin logistics.	1.3. Áp dụng sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong lĩnh vực logistics và quản trị chuỗi cung ứng
K2	Vận dụng những nguyên lý kinh doanh dịch vụ bảo hiểm logistics và ứng dụng thông tin logistics trong quản lý.	4.1. Phân tích hoạt động logistics trong nước và quốc tế như xuất nhập khẩu, mua hàng, phân phối, vận tải để giải quyết các vấn đề trong sản xuất, kinh doanh.

Kỹ năng		
K3	Xây dựng phương pháp tính phí các loại hình dịch vụ bảo hiểm logistics	7.2. Thực hiện hiệu quả các nghiệp vụ về xuất nhập khẩu hàng hóa trong nước và quốc tế
K4	Nhận diện, phân loại cơ sở dữ liệu phục vụ xây dựng hệ thống hệ thống thông tin trong doanh nghiệp	7.1. Thực hiện hiệu quả các nghiệp vụ về mua hàng, giao nhận, vận tải
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
K5	Phát huy tinh thần học tập nghiêm túc, làm việc độc lập, sáng tạo; trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp	10.1. Thể hiện tinh thần trách nhiệm cao trong công việc được giao 10.2. Tuân thủ pháp luật, quy tắc và đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực logistics và quản trị chuỗi cung ứng

III. Nội dung tóm tắt của học phần

KE94140 – Dịch vụ bảo hiểm và thông tin Logistics (Logistics Insurance Service and Information). (3TC: 3-0-9; 135).

Mô tả vắn tắt nội dung: Rủi ro và bảo hiểm trong logistics, dịch vụ bảo hiểm logistics, tính phí dịch vụ bảo hiểm logistics, hợp đồng bảo hiểm logistics, tổ chức hoạt động kinh doanh bảo hiểm logistics, hệ thống thông tin logistic trong doanh nghiệp, thiết kế hệ thống thông tin logistics trong doanh nghiệp.

Học phần tiên quyết: Không.

IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

Bảng 1: Phương pháp giảng dạy

KQHTMD PPGD	K1	K2	K3	K4	K5
Thuyết trình, thảo luận	x	x	x	x	x
Bài tập tình huống			x	x	x

2. Phương pháp học tập

- Tự chuẩn bị bài học, tham khảo tài liệu, nghe giảng và ghi chép bài trên lớp
- Làm bài tập về nhà và xung phong lên bảng giờ bài tập
- Tích cực tham gia thảo luận nhóm

V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham dự ít nhất 75% số giờ lên lớp của môn học.
- Chuẩn bị cho bài giảng: Sinh viên tham dự học phần phải đọc bài giảng, tài liệu trước khi tới lớp.
- Bài tập: Sinh viên tham dự học phần hoàn thành bài tập về nhà của từng chương trước giờ bài tập.
- Tiểu luận: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham gia tiểu luận nhóm về các vấn đề được nêu trong các chương.
- Kiểm giữa kỳ: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham gia thi giữa kỳ
- Thi cuối kỳ: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham gia thi cuối kỳ

VI. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric

3. Phương pháp đánh giá

Bảng 1. Kế hoạch đánh giá và trọng số

Hoạt động đánh giá	KQHTMD được đánh giá	Trọng số (%)	Thời gian/Tuần học
Đánh giá quá trình			
Tham dự lớp	K5	10	Toàn bộ thời gian
Bài tập/ tiểu luận	K2, K3, K4, K5	10	Tuần 3-9
Kiểm tra giữa môn học	K1, K2, K3	30	Tuần 9
Đánh giá cuối kì			
Thi cuối môn học	K1, K2, K3, K4, K5	50	Theo lịch thi của HV

Bảng 2. Chỉ báo thực hiện các kết quả học tập mong đợi của học phần

KQHTMD	Chỉ báo thực hiện KQHTMD
K1	Chỉ báo 1. Giải thích những lý luận cơ bản của rủi ro, bảo hiểm và dịch vụ bảo hiểm logistics Chỉ báo 2. Giải thích những nội dung cơ bản của thông tin logistics
K2	Chỉ báo 3. Nguyên tắc và phương pháp tính phí dịch vụ bảo hiểm logistics Chỉ báo 4. Hợp đồng bảo hiểm logistics và tổ chức kinh doanh bảo hiểm logistics Chỉ báo 5. Thiết kế hệ thống thông tin logistics trong doanh nghiệp
K3	Chỉ báo 7. Nhận diện, phân loại hàng hóa và thiết lập công thức tính phí dịch vụ bảo hiểm logistics
K4	Chỉ báo 8. Nhận diện, phân loại cơ sở dữ liệu logistics trong doanh nghiệp.
K5	Chỉ báo 9. Chủ động trong học tập Chỉ báo 10. Thực hành thái độ độ trung thực, tự chủ và trách nhiệm trong học tập

Rubric 1. Chuyên cần

Đánh giá chuyên cần/tham dự lớp (10%)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Thái độ tham dự	50	Luôn chú ý và tham gia các hoạt động	Khá chú ý, có tham gia	Có chú ý, ít tham gia	Không chú ý/không tham gia
Thời gian tham dự	50	Tham gia lớp trên 90% tổng số tiết	Tham gia lớp từ 85-90% tổng số tiết	Tham gia lớp từ 80-85% tổng số tiết	Tham gia lớp ít hơn 80% tổng số tiết

Rubric 2. Bài tập/ tiểu luận

Đánh giá bài tập (10%)

Tiêu chí	Trọng số %	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Lập luận	40	Lập luận có căn cứ khoa học vững chắc	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng còn 1 vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng còn sai sót quan trọng	Nhiều sai sót quan trọng/ Không biết lập luận khoa học
Trình bày bài giải	20	Cẩn thận, rõ ràng	Khá cẩn thận, vài chỗ chưa rõ ràng	Tương đối cẩn thận, nhiều chỗ chưa rõ ràng	Cẩu thả và chưa rõ ràng

Áp dụng kiến thức vào bài tập	40	Kết quả đúng 85%-100%	Kết quả đúng 65%-84%	Kết quả đúng 40%-64%	Kết quả đúng từ 39% trở xuống
-------------------------------	----	-----------------------	----------------------	----------------------	-------------------------------

Rubric 3. Thảo luận

Đánh giá thảo luận (10%)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0– 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Thái độ tham gia	40	Khơi gợi vấn đề và dẫn dắt thảo luận	Chú ý tham gia thảo luận	Ít tham gia thảo luận	Không tham gia
Kỹ năng thảo luận	30	Phân tích, đánh giá tốt	Phân tích, đánh giá khá tốt	Phân tích, đánh giá khi tốt, khi chưa tốt	Phân tích, đánh giá chưa tốt
Chất lượng đóng góp ý kiến	30	Sáng tạo, phù hợp	Phù hợp	Có khi phù hợp, có khi chưa phù hợp	Không phù hợp

Rubric 4. Kiểm tra giữa kỳ

Đánh giá giữa kỳ (30%)

Kiểm tra giữa kỳ dạng trắc nghiệm kết hợp tự luận.

Nội dung kiểm tra	Chỉ báo thực hiện của học phần được đánh giá qua câu hỏi	KQHTMD của môn học được đánh giá qua câu hỏi
Chương 1	Chỉ báo 1: Khái niệm, vai trò, phân loại dịch vụ bảo hiểm.	K1
Chương 2	Chỉ báo 2: Đặc điểm, phân loại và nguyên tắc hoạt động dịch vụ bảo hiểm logistics.	K1, K3
Chương 3	Chỉ báo 3: Khái niệm, phân loại, nguyên tắc tính phí dịch vụ bảo hiểm logistics.	K1, K2, K3
Chương 4	Hợp đồng dịch vụ bảo hiểm logistics	K2, K4
Chương 6	Thông tin logistic trong doanh nghiệp	K2, K4

Rubric 5. Thi cuối kỳ

Đánh giá cuối kỳ (50%)

Nội dung kiểm tra	Chỉ báo thực hiện của học phần được đánh giá qua câu hỏi	KQHTMD của môn học được đánh giá qua câu hỏi
Chương 1	Chỉ báo 1: Nhận dạng, phân biệt rủi ro, dịch vụ bảo hiểm, dịch vụ bảo hiểm.	K1, K5
Chương 2	Chỉ báo 2: Nhận dạng, phân biệt các loại dịch vụ bảo hiểm, dịch vụ bảo hiểm logistics.	K1, K2, K5
Chương 3	Chỉ báo 3: Xây dựng phương pháp và thiết lập công thức và xác định phí dịch vụ bảo hiểm logistics	K2, K3, K4, K5
Chương 4	Chỉ báo 4: Cơ sở pháp lý, đặc trưng, các điều khoản, các bước thực thi hợp đồng dịch vụ bảo hiểm logistics	K1, K2, K3, K4, K5

Chương 5	Chi báo 5: Các nghiệp vụ cơ bản và các hoạt động trung gian của dịch vụ bảo hiểm logistics	K1, K2, K3, K4, K5
Chương 6	Chi báo 6: Hệ thống thông tin trong quản lý doanh nghiệp, dòng thông tin logistics trong doanh nghiệp, các công cụ thông tin liên lạc trong logistics	K1, K2, K3, K4, K5
Chương 7	Chi báo 7: Xây dựng mô hình và thiết kế các phân hệ trong hệ thống thông tin logistics	K1, K2, K3, K4, K5

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

Chăm chỉ, chuyên cần: Sinh viên đến lớp đủ số giờ quy định, đúng giờ, tích cực phát biểu, thảo luận, tích cực chuẩn bị bài tập về nhà, nộp bài tập đúng hạn.

Làm bài kiểm tra trên lớp: Không tham gia bài kiểm tra giữa kì sẽ bị điểm 0.

Điều kiện được thi hết môn: SV phải dự lớp đủ theo quy định (ít nhất 75%)

Yêu cầu về đạo đức: Sinh viên tuân thủ theo quy định hiện hành. Sinh viên phải có thái độ nghiêm túc, say mê học tập; không có hành vi gian lận trong học tập và trong thi cử.

VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

* Bài giảng:

Đỗ Quang Giám (2024). Bài giảng Dịch vụ bảo hiểm và thông tin Logistics.

* Tài liệu tham khảo:

PGS. TS Nguyễn Văn Định (2010), Bảo hiểm, Nhà xuất bản ĐH Kinh tế Quốc dân.

TS. Đỗ Quốc Dũng (chủ biên), Trần Hoàng Giang, Nguyễn Thành Long (2015), Giao nhận, vận tải và bảo hiểm, NXB Tài chính.

Giáo trình quản trị chuỗi cung ứng, NXB Học viện Nông nghiệp Việt Nam

TS. Bùi Diệu Anh (2010), Bảo hiểm: Lý thuyết & Bài tập, NXB. Phương Đông.

Đặng Đình Đào, 2018. *Giáo trình quản trị logistics*. NXB Tài Chính

Đặng Đình Đào, 2019. *Dịch vụ logistics ở Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế*. NXB Dân trí.

Evans. V, 2018. *Career Paths Logistics (Esp) Student's Book With Crossplatform Application*. Express publishing.

SAP AG, 2001. Logistics Information System.

Luật Kinh doanh bảo hiểm Việt Nam 2000 số 24/2000/QH10 ngày 09/12/2000

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm số 61/2010/QH12 ngày 24/11/2010.

VIII. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	KQHTMD của học phần
1	Chương I: Khái quát chung về dịch vụ bảo hiểm	K1, K3, K5
	A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết:(4 tiết) 1.1. Rủi ro 1.1.1. Khái niệm 1.1.2. Phân loại và nguồn gốc rủi ro 1.1.3. Các khái niệm có liên quan 1.1.4. Các phương thức đối phó rủi ro 1.2. Dịch vụ bảo hiểm 1.2.1. Khái niệm bảo hiểm, dịch vụ bảo hiểm 1.2.2. Lịch sử hình thành và phát triển	

	1.2.3. Các loại hình dịch vụ bảo hiểm 1.2.4. Vai trò của dịch vụ bảo hiểm 1.2.5. Nguyên tắc cơ bản của dịch vụ bảo hiểm 1.2.6. Rủi ro được bảo hiểm Nội dung semina/thảo luận: (2 tiết) <i>Thảo luận về dịch vụ bảo hiểm + Bài tập chương 1</i>	
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết) Ôn lại bài cũ Bài tập chương 1	K1, K3, K5
2	Chương II: Dịch vụ bảo hiểm logistics	
	A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết:(4 tiết) 2.1. Khái quát chung về dịch vụ bảo hiểm logistics 2.2. Đặc điểm, rủi ro dịch vụ bảo hiểm logistics 2.3. Nguyên tắc hoạt động dịch vụ bảo hiểm logistics 2.4. Các dịch vụ bảo hiểm logistics Nội dung semina/thảo luận: (2 tiết) <i>Thảo luận về dịch vụ bảo hiểm logistics+ Bài tập chương 2</i>	K1, K3, K4
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (12 tiết) Ôn lại bài cũ Bài tập chương 2	K1, K3, K4, K5
3-4	Chương III: Tính phí dịch vụ bảo hiểm logistics	
	A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết:(4 tiết) 3.1. Khái niệm phí dịch vụ bảo hiểm logistics 3.2. Phân loại phí dịch vụ bảo hiểm logistics 3.3. Nguyên tắc chung trong tính phí bảo hiểm logistics 3.4. Cách tính phí dịch vụ bảo hiểm logistics 3.5. Trích lập dự phòng trong bảo hiểm logistics Nội dung semina/thảo luận: (2 tiết) <i>Thảo luận về cách tính phí dịch vụ bảo hiểm + Bài tập chương 3</i>	K2, K3, K4, K5
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (15 tiết) Ôn lại bài cũ Bài tập chương 3	K2, K3, K4, K5
5-6	Chương IV: Hợp đồng bảo hiểm logistics	
	A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết:(4 tiết) 4.1. Khái niệm hợp đồng bảo hiểm logistics 4.2. Cơ sở pháp lý của các hợp đồng bảo hiểm logistics 4.3. Đặc trưng hợp đồng bảo hiểm logistics 4.4. Những nội dung và điều khoản cơ bản trong hợp đồng bảo hiểm logistics 4.5. Các giai đoạn thực hiện hợp đồng logistics Nội dung semina/thảo luận: (2 tiết) <i>Thảo luận các điều khoản cơ bản trong hợp đồng bảo hiểm logistics</i> Bài tập chương 4	K1, K3, K4, K5
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết) Ôn lại bài cũ Bài tập chương 4	K1, K3, K4, K5
9-10	Chương V: Tổ chức hoạt động dịch vụ bảo hiểm logistics	

	A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết:(4 tiết) 5.1. Tổng quan về doanh nghiệp bảo hiểm logistics 5.2. Các nghiệp vụ cơ bản của dịch vụ bảo hiểm logistic 5.2.1. Định giá bảo hiểm 5.2.2. Thẩm định bảo hiểm 5.2.3. Giám định và bồi thường tổn thất 5.3. Các hoạt động trung gian bảo hiểm logistics 5.3.1. Hoạt động đại lý bảo hiểm logistics 5.3.2. Hoạt động môi giới bảo hiểm logistics Nội dung semina/thảo luận: (2 tiết) <i>Thảo luận các nghiệp vụ cơ bản của doanh nghiệp bảo hiểm logistics</i> Bài tập chương 5	K1, K3, K4, K5, K6
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (15 tiết) - Ôn lại bài cũ Bài tập chương 5	K1, K3, K4, K5
7-8	Chương 6: Hệ thống thông tin logistics trong DN	
	A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết:(5 tiết) 6.1. Khái niệm chung 6.2. Đặc điểm, vai trò của hệ thống thông tin trong quản lý DN 6.3. Đặc điểm, vai trò của LIS 6.4. Phân loại LIS Nội dung semina/thảo luận: (3 tiết) <i>Thảo luận về vai trò của chuỗi cung ứng trong trong doanh nghiệp và trong nền kinh tế</i>	K1, K3, K5
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (18 tiết) Bài tập chương 2	K1, K3, K5
8-9	Chương 7: Thiết kế hệ thống thông tin logistics	
	A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết:(5 tiết) 7.1. Tổng quan về thiết kế hệ thống cơ sở dữ liệu logisitess 7.2. Thiết kế các hợp phần trong hệ thống CSDL logistics 7.3. Vận dụng xác định hệ thống CSDL cho một số hoạt động logistics Nội dung semina/thảo luận: (2 tiết) <i>Thảo luận về hệ thống cơ sở dữ liệu logistics cho các hoạt động logistics trong doanh nghiệp và trong nền kinh tế.</i>	K2, K4, K5
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (18 tiết) <i>Thảo luận về các dòng thông tin logistics, các thành phần và cấu trúc của hệ thống cơ sở dữ liệu logistics</i>	K2, K4, K5

IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy học phần như: giảng đường rộng rãi, thoáng mát, sĩ số 60-70 sinh viên.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: có máy chiếu còn sử dụng tốt, bảng viết, phấn.
- Các phương tiện khác: ổ cắm, dây dẫn, điều khiển từ xa.

- E-learning: phần mềm dạy trực tuyến (MS Teams), máy tính, hệ thống máy chủ và hạ tầng kết nối mạng Internet với băng thông đáp ứng nhu cầu người dùng, không để xảy ra nghẽn mạng hay quá tải. Phòng học trực tuyến đầy đủ ánh sáng, cách âm tốt, thông thoáng, ngăn nắp, gọn gàng, sạch sẽ.

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2024

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Kí và ghi rõ họ tên)



TS. Lại Phương Thảo

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN
(Kí và ghi rõ họ tên)



PGS.TS Đỗ Quang Giám

TRƯỞNG KHOA
(Kí và ghi rõ họ tên)



PGS.TS. Đỗ Quang Giám

DUYỆT CỦA HỌC VIỆN



PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Cường

PHỤ LỤC

THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Đỗ Quang Giám	Học hàm, học vị: PGS.TS
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Kế toán quản trị và Kiểm toán, Khoa Kế toán và QTKD, P.422, Nhà Hành chính, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ - Gia Lâm - Hà Nội.	Điện thoại liên hệ: 090.4334.525
Email: dqgiam@vnua.edu.vn	Trang web: http://www1.vnua.edu.vn/khoa/ketoan/vi/
Cách liên lạc với giảng viên: Người học có thể liên lạc qua email hoặc điện thoại cá nhân.	

Giảng viên

Họ và tên: Trần Quang Trung	Học hàm, học vị: PGS.TS
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Kế toán quản trị và Kiểm toán, Khoa Kế toán và QTKD, P.422, Nhà Hành chính, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ - Gia Lâm - Hà Nội.	Điện thoại liên hệ: 091.2621.363
Email: tqtrung@vnua.edu.vn	Trang web: http://www1.vnua.edu.vn/khoa/ketoan/vi/
Cách liên lạc với giảng viên: Người học có thể liên lạc qua email, điện thoại.	

Giảng viên

Họ và tên: Nguyễn Thị Thùy Dung	Học hàm, học vị: ThS
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Kế toán quản trị và Kiểm toán, Khoa Kế toán và QTKD, P.418, Nhà Hành chính, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ - Gia Lâm - Hà Nội.	Điện thoại liên hệ: 097.4151.809
Email: dungntt@vnua.edu.vn	Trang web: http://www1.vnua.edu.vn/khoa/ketoan/vi/
Cách liên lạc với giảng viên: Người học có thể liên lạc qua email, điện thoại.	

Giảng viên

Họ và tên: Lê Thanh Hà	Học hàm, học vị: TS
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Kế toán quản trị và Kiểm toán, Khoa Kế toán và QTKD, P.418, Nhà Hành chính, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ - Gia Lâm - Hà Nội.	Điện thoại liên hệ: 032.6787.089
Email: lethanhha89@gmail.com	Trang web: http://www1.vnua.edu.vn/khoa/ketoan/vi/
Cách liên lạc với giảng viên: Người học có thể liên lạc qua email, điện thoại.	

Giảng viên

Họ và tên: Bùi Thị Mai Linh	Học hàm, học vị: ThS
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ: 091.2666.613

Bộ môn Kế toán quản trị và Kiểm toán, Khoa Kế toán và QTKD, P.418, Nhà Hành chính, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ - Gia Lâm – Hà Nội.	
Email: btmlinh@vnua.edu.vn	Trang web: http://www1.vnua.edu.vn/khoa/ketoan/vi/
Cách liên lạc với giảng viên: Người học có thể liên lạc qua email, điện thoại.	

CÁC LẦN CẢI TIẾN
(Đề cương được cải tiến hàng năm theo qui định của Học Viện)

- Lần 1: 7/ 2022: Cập nhật bảng IPRM và rubric
- Lần 2: 8/2024: Cập nhật bảng IPRM.

